

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và

- A. các hải đảo. B. vùng nội thủy.
C. vùng lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 2. Ở nước ta lũ thường dẫn đến

- A. ngập lụt. B. mưa lớn. C. gió mạnh. D. sóng lớn.

Câu 3. Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Phú Xuân. D. Hội An.

Câu 4. Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

- A. công nghiệp. B. thương mại. C. du lịch. D. nông nghiệp.

Câu 5. Ven các thành phố lớn hiện nay phát triển mạnh chăn nuôi gia súc lớn nào sau đây?

- A. Trâu. B. Ngựa. C. Bò sữa. D. Bò thịt.

Câu 6. Than nước ta được khai thác chủ yếu ở

- A. Lạng Sơn. B. Bắc Giang. C. Quảng Ninh. D. Thái Nguyên.

Câu 7. Loại hình giao thông vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta là

- A. đường sắt. B. đường ô tô. C. đường biển. D. đường hàng không.

Câu 8. Tính chất của gió mùa đông bắc vào nửa sau mùa đông ở nước ta là

- A. ẩm ướt. B. lạnh ẩm. C. lạnh khô. D. khô hanh.

Câu 9. Thế mạnh nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. B. khai thác và chế biến khoáng sản.
C. chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm. D. trồng cây lương thực và thực phẩm.

Câu 10. Vùng Đồng bằng sông Hồng giáp với vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 11. Điều kiện thuận lợi chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nuôi trồng thủy sản là

- A. vùng biển rộng, nhiều thủy sản. B. tỉnh nào cũng có bãi cá, bãi tôm.
C. có nhiều ngư trường trọng điểm. D. ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

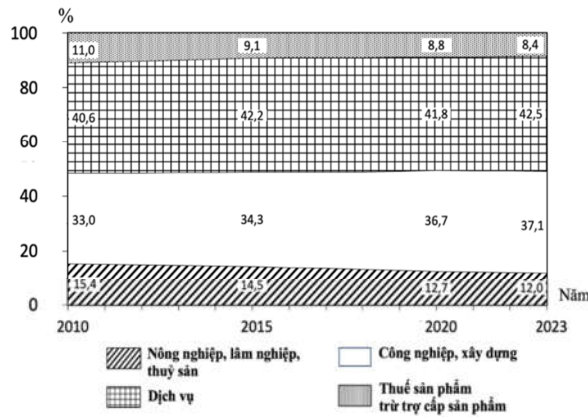
Câu 12. Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

- A. Chè. B. Dừa. C. Cà phê. D. Cao su.

Câu 13. Biểu hiện của quá trình phong hóa hóa học làm biến đổi bề mặt địa hình nước ta là

- A. hiện tượng xâm thực. B. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.
C. hình thành địa hình cacxtơ. D. hiện tượng bào mòn, rửa trôi.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 - 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê, 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tỉ trọng giảm.
- B. Khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có tỉ trọng tăng.
- C. Trong giai đoạn 2010 - 2023, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng nhiều nhất.
- D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng giảm 4,1% giai đoạn 2010 - 2023.

Câu 15. Ý nghĩa chủ yếu của hoạt động xuất khẩu đối với nước ta là

- A. thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển kinh tế, tăng mức sống.
- B. mở rộng sản xuất, nâng cao thu nhập dân cư, chuyển giao khoa học công nghệ.
- C. sử dụng hiệu quả nguồn lao động, tăng nguồn thu ngoại tệ, tích lũy vốn đầu tư.
- D. giải quyết nhiều việc làm, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế đất nước.

Câu 16. Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có mật độ sông ngòi khá cao.
- B. có một số nguồn nước khoáng.
- C. rừng tự nhiên có diện tích lớn.
- D. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Câu 17. Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên làm cho nước ta có

- A. cơ cấu cây trồng và vật nuôi đa dạng.
- B. số lượng dân tộc phân hóa theo vùng.
- C. điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài.
- D. động vật cận nhiệt đới ở độ cao 3000 m.

Câu 18. Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. áp dụng khoa học công nghệ, phát triển chế biến, sử dụng giống mới.
- B. quy hoạch vùng sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu.
- C. mở rộng diện tích đất trồng, đảm bảo nước tưới, thu hút nguồn đầu tư.
- D. đẩy mạnh thâm canh, liên kết vùng sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là một miền địa lí tự nhiên rộng lớn, trải dài từ Lai Châu tới Thừa Thiên - Huế. Miền có địa hình cao, đồ sộ với nhiều dãy núi lớn, tiêu biểu là Hoàng Liên Sơn và Trường Sơn Bắc. Chính đặc điểm địa hình này đã tác động mạnh mẽ đến khí hậu và sông ngòi của miền.

- a) Mùa đông ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc muộn.
- b) Thời gian mùa mưa của các khu vực trong miền chậm dần về phía nam.
- c) Chiều dài và mật độ sông ngòi có sự khác biệt giữa khu vực Tây Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ.
- d) Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có gió phơn hoạt động do sự kết hợp của gió mùa Tây Nam và dãy Trường Sơn Bắc.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện

nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

- a) Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.
- b) Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới.
- c) Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên thách thức lớn cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.
- d) Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá là một trong ba châu thổ lớn của thế giới bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi biến đổi khí hậu. Tình hình địa lý của Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy khu vực này rất dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm mực nước biển dâng, lũ lụt trong mùa mưa và thiếu nước trong mùa khô. Ngoài ra, sự thay đổi chế độ dòng chảy trong sông sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi xâm nhập mặn tại khu vực này.

(Nguồn: https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc_32343364/con-duong-phat-trien-ben-vung-cho-dong-bang-song-cuu-long-/333930313364.html)

- a) Tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu.
- b) Diện tích đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng mở rộng.
- c) Biến đổi khí hậu không ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của người dân.
- d) Tình hình nhiễm mặn ngày càng sâu sắc do địa hình thấp, nhiều cửa sông, mùa khô kéo dài, chế độ dòng chảy thay đổi.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Việt Nam có diện tích nhỏ nhất nhưng quy mô dân số lớn nhất.
- b) Mi-an-ma có diện tích gấp 2 lần của Việt Nam.
- c) Mật độ dân số của Việt Nam gấp hơn 2 lần của Thái Lan.
- d) Việt Nam có mật độ dân số cao do quy mô dân số và diện tích lớn.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm 2023 tại Hà Nội là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Mức nước một số sông chính ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Lô (trạm Tuyên Quang)	2 203	1 175
Sông Thương (trạm Cầu Sơn)	1 587	1 232

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Thương tại trạm Cầu Sơn là bao nhiêu cm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ sinh của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu phần nghìn so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Tiêu chí	Năm			
	2010	2015	2020	2021
Trị giá xuất khẩu	72,2	162,2	282,6	336,1
Trị giá nhập khẩu	84,8	165,7	262,8	332,9

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Sản lượng lương thực có hạt của nước ta phân theo vùng năm 2022

(Đơn vị: triệu tấn)

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Sản lượng	5,1	6,2	7,7	2,5	1,8	23,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng sản lượng lương thực có hạt của nước ta năm 2022 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
-----	---------------------	---------------	------------

2010	13,4	10,3	3,1
2021	14,7	10,1	4,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng của cả nước năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.